TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH HANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 23/2023/QĐST-HNGĐ	*Sầm Sơn, ngày 07 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 135/2022/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị T – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Cao Sỹ Nghị - sinh năm 1965 và anh Cao Sỹ Hưng – sinh năm 1987 - Luật sư Văn phòng Luật sư Cao

Địa chỉ: Số 88/8 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Lê Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh T, chị T có ba con chung là các cháu Nguyễn Hữu H sinh ngày 27/3/1998, cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 11/5/2001, cháu Nguyễn Sa R (Nguyễn Thị Vân A) sinh ngày 25/10/2014. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Sa R cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Sa R đủ 18 tuổi. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Cháu H và cháu T đã thành niên và phát triển bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản, công nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu "*Chia tài sản chung khi ly hôn*" do bị đơn có đơn rút yêu cầu

4. Về án phí: Anh T, chị T thỏa thuận anh Nguyễn Hữu T nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0013344 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (anh T đã nộp đủ án phí). Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 9.195.000đ (chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0013390 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1 Đối với nội dung công nhận thỏa thuận của các đương sự quy định tại mục 2 của Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2 Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của Quyết định này, đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Phong